| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2023/DS-PT
Ngày 05-01-2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản
và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Vũ Đức Hùng.

*Các Thẩm phán*:

1. Ông Nguyễn Văn Thành;

2. Ông Đặng Văn Cường;

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Bùi Tuyết Hân, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận:*** Bà Võ Thị Phương Linh, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2021/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 155/2022/QĐPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 90/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Lê Thanh N, sinh năm 1976; có mặt

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Xuân H, sinh năm 1980; có mặt

Địa chỉ: Số D đường số D, phường H, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế T - Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. có mặt

**2. Bị đơn:**

- Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1940; có mặt

- Bà Đặng Thị K, sinh năm 1950; có mặt

Cùng địa chỉ: Số F L, khu phố D, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Văn T1: Bà Hồ Thị N1 - Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B. có mặt

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Phạm Thị N2, sinh năm 1975; có mặt

- Ông Phạm Văn B, sinh năm 1988; có mặt

- Anh Huỳnh Văn T2, sinh năm 2003; vắng mặt

- Chị Huỳnh Thị Thanh T3, sinh năm 2004; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số F L, khu phố D, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

**4. Người kháng cáo:**

Ông Phạm Văn T1 và bà Đặng Thị K, là bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**Nguyên đơn trình bày:**

Tháng 4 năm 2019, ông Lê Thanh N mua nhà đất tại số F L, khu phố D, phường Đ, thành phố P (Nhà và đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 298480 cho bà Nguyễn Thị L vào ngày 22/12/2015). Ngày 05/6/2019, được cập nhật biến động sang tên ông Lê Thanh N.

Ngày 08/5/2019, ông Lê Thanh N đã nhận bàn giao nhà từ ông T4 và bà L và đại diện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Ông Lê Thanh N chính thức sử dụng nhà, đất từ lúc bàn giao. Tuy nhiên, vào ngày 09/5/2019, ông Lê Thanh N khóa cửa, đi mua các trang thiết bị để phục vụ cho nhu cầu cuộc sống thì ông Phạm Văn T1 và bà Đặng Thị K dẫn theo người nhà đến phá khóa ngang nhiên vào ở trong nhà của ông Lê Thanh N. Ông Lê Thanh N nhiều lần yêu cầu ông T1, bà K và đề nghị cơ quan chức năng giải quyết nhưng ông T1 và bà K vẫn không trả nhà, đất. Việc ông T1 và bà K cùng các con cháu đang ở trong nhà của ông Lê Thanh N là trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông N từ tháng 5 năm 2019. Ông Lê Thanh N có nhà được mua bán hợp pháp nhưng không được ở, phải đi thuê nhà 8.000.000 đồng/tháng.

Nay ông Lê Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc những người đang ở trong căn nhà số F L, khu phố D, phường Đ gồm ông Phạm Văn T1, bà Đặng Thị K, bà Phạm Thị N2, ông Phạm Văn B, anh Huỳnh Văn T2 và chị Huỳnh Thị Thanh T3 phải tháo dỡ, di dời các tài sản của mình để trả lại căn nhà và đất tại số F L, khu phố D, phường Đ cho ông Lê Thanh N. Và yêu cầu ông T1 và bà K phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn về tiền thuê nhà 8.000.000 đồng/tháng, tính từ tháng 5 năm 2019 đến khi Tòa án xét xử vụ án và tiền lãi suất vay tiền để mua nhà 1%/tháng, tính từ tháng 01 năm 2021 đến khi tòa án xét xử vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Thanh N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng đối với số tiền thuê nhà và tiền lãi suất đối với bị đơn.

**Bị đơn trình bày:**

Bà Đặng Thị K và ông Phạm Văn T1 hiện đang quản lý, sử dụng căn nhà và đất tại số F đường L, phường Đ, T, tỉnh Bình Thuận. Căn nhà này là của ông bà nội của ông T1 là ông Phạm Văn L1 và bà Nguyễn Thị C. Ông L1 và bà C sinh được 02 người con là ông Phạm Văn C1 (danh là Nguyễn Văn T5) và ông Phạm Văn C2 (cha ông T1) và sinh được một số người con khác nhưng chết từ nhỏ.

Vợ chồng ông T1, bà K vào ở trong căn nhà số F đường L vào năm 2015, trước đó là nhà cũ đóng cửa không ai ở. Căn nhà số F L là do bà Nguyễn Thị Ngọc T6 và ông T1 đứng ra xây dựng. Ông T1 có cho bà T6 mượn tiền để xây dựng căn nhà, có hợp đồng cho vay tiền kèm theo. Hiện nay bà T6 chưa trả tiền cho ông bà.

Ông T1, bà K chỉ có giấy tờ là Biên bản họp hội đồng gia tộc ngày 25 tháng 3 năm 2014 và bản đồ hiện trạng thửa đất ngày 17/3/2014 (tài liệu đều là bản sao, bản chính bà T6 lưu giữ), ngoài ra ông bà không có giấy tờ nào khác. Trước đây ông bà nội cũng như ông C1 và ông C2 cũng không có giấy tờ gì về nguồn gốc nhà đất số F L.

Hiện nay, ngoài ông T1, bà K đang ở trong nhà thì còn có hai người con của ông bà là Phạm Thị N2, Phạm Văn B và hai người cháu (con của bà Phạm Thị N2) là Huỳnh Văn T2 và Huỳnh Thị Thanh T3 đang sống chung với vợ chồng ông bà. Ngoài ra không còn ai khác. Trong quá trình sử dụng nhà, ông bà không xây dựng hay sửa chữa đối với căn nhà, ông bà chỉ có các tài sản phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của gia đình như tủ lạnh, máy giặt, bàn ghế và 04 bàn thờ.

Vợ chồng ông T1, bà K biết việc bà T3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2015, vì gia tộc đồng ý cho bà T3 đứng tên nhưng bà T3 không được quyền bán và thế chấp. Sau này bà T3 bán cho bà L đứng tên, vợ chồng ông bà không biết. Lúc bà L đến lấy nhà mới biết bà T3 bán nhà cho bà L. Và vợ chồng ông bà có làm đơn ngăn chặn nhưng không kiện ra tòa.

Nay ông Lê Thanh N yêu cầu ông T1, bà K phải tháo dỡ, di dời tài sản để trả lại nhà và đất tại số F đường L và bồi thường thiệt hại, ông bà không đồng ý.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N2, ông Phạm Văn B, anh Huỳnh Văn T2 và chị Huỳnh Thị Thanh T3 trình bày:**

Bà Phạm Thị N2, ông Phạm Văn B, anh Huỳnh Văn T2 và chị Huỳnh Thị Thanh T3 cư trú tại nhà số F đường L, phường Đ cùng với ông T1 và bà K. Cha mẹ các ông, bà có nhà ở gần nhà tự của ông bà nội (L, C). Năm 2015, nhà tự của ông, bà nội siêu sụp nên ông T1 và gia tộc cất lại năm 2015. Bà T3 là cháu trong gia tộc có mượn của bà N2 100.000.000đồng để trả cửa kính. Nhà tự xây xong ông T1 ở tới bây giờ thắp nhang khói cho tổ tiên. Năm 2017, ông T1 bệnh nên các ông, bà dọn về ở chung với cha me. Các ông, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết đã quyết định:**

Áp dụng: Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2 ,4 Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 94, Điều 95; Điều 97; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; điểm b, đ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235; khoản 2 Điều 244, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 166 Luật đất đai; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh N về yêu cầu đòi lại tài sản.

Buộc ông Phạm Văn T1, bà Đặng Thị K, bà Phạm Thị N2, ông Phạm Văn B, anh Huỳnh Văn T2 và chị Huỳnh Thị Thanh T3 phải tháo dỡ, di dời các tài sản tủ lạnh, máy giặt, bàn ghế và 04 bàn thờ ra khỏi căn nhà để trả lại căn nhà cấp 3, diện tích xây dựng 81m$^2$, diện tích sàn 164,2 m$^2$ được xây dựng trên thửa đất số 270, tờ bản đồ số 2, diện tích 141,9 m$^2$ đất ở tại đô thị, tại số F đường L, khu phố D, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận cho ông Lê Thanh N, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 298480 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/12/2015 cho bà Nguyễn Thị L. Đến ngày 05/6/2019 chuyển nhượng cho ông Lê Thanh N.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguyên đơn ông Lê Thanh N xin rút yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác, lãi suất do chậm thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 05/9/2022, ông Phạm Văn T1, bà Đặng Thị K có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Lê Thanh N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như tại phiên tòa sơ thẩm. Đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Phạm Văn T1, bà Đặng Thị K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xem xét tính hợp pháp của việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho ông Nguyễn Văn T5, bà Lê Thị T7; Việc đăng ký biến động sang tên cho ông Lê Thanh N.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

*Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn kháng cáo trong thời hạn quy định nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

- Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết là đúng quy định tại khoản 2, khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Thanh N rút một phần yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về số tiền thuê nhà và tiền lãi suất vay tiền mua nhà đối với bị đơn. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông N là tự nguyện nên Tòa án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Huỳnh Văn T2 và chị Huỳnh Thị Thanh T3 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T2, chị T3;

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn T1 và bà Đặng Thị K:

[2.1] Tại Công văn số 1349/SXDQLN&PTĐT ngày 01/6/2022 của Sở Xây dựng tỉnh B xác định: Ngày 12/10/1992, bà Lê Thị T7 làm đơn xin lập sổ sở hữu căn nhà số F đường L, phường Đ, thị xã P (nay thành phố P), được UBND phường Đ xác nhận ngày 12/10/1992 "Theo đơn xin lập giấy chứng nhận sở hữu nhà đất của bà Lê Thị T7, 1918, hiện thường trú tại tổ D, phường Đ (nhà số F đường L, phường Đ, thị xã P, tỉnh Bình Thuận). Hiện nay hồ sơ về nhà đất có đầy đủ, để giải quyết việc trên UBND phường xét thấy không trở ngại. Đề nghị Công ty Q tiến hành khảo sát đo vẽ thực trạng nhà đất hiện nay để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu". UBND thị xã P xác nhận ngày 17/10/1992 "Bà Lê Thị T7 lập sở hữu nhà, hồ sơ gốc có từ năm 1958 do chính quyền cũ xác nhận. Kính chuyển Sở xây dựng xét giải quyết. Hồ sơ gửi kèm đơn xin lập sổ sở hữu chủ gồm có: Giấy chứng thư kèm theo họa đồ nhà đất của ông Nguyễn Văn T5 xin điều chỉnh tình trạng, tỷ lệ 1/500 được đại diện Hội đồng xã C3 xác nhận ngày 24/01/1958; Giấy chứng nhận đã kê khai đăng ký nhà số 81 do ông Nguyễn Văn T5 đứng tên, được Trưởng ban chỉ đạo kê khai đăng ký nhà phường Đ cấp ngày 23/01/1978; Họa đồ nhà đất sở hữu chủ bà Lê Thị T7 được Phòng quản lý đô thị thành phố P ký xác nhận. Căn cứ Pháp lệnh nhà ở ban hành ngày 26/3/1991 của Hội đồng Nhà nước, ngày 31/10/1992 Sở xây dựng tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 5374/CNSH cho ông Nguyễn Văn T5 (chết) và bà Lê Thị T7 đối với căn nhà số F đường L, phường Đ, thị xã P (nay thành phố P), diện tích xây dựng 81,09m$^2$, diện tích đất sử dụng 217m$^2$. Do đó, có cơ sở để xác định nguồn gốc nhà và đất tại số F đường L, phường Đ, thị xã P (nay thành phố P) là của ông Nguyễn Văn T5 và bà Lê Thị T7; Việc Sở xây dựng tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 5374/CNSH là đúng đối tượng.

[2.2] Tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản của ông Nguyễn Văn T5 và bà Lê Thị T7 được công chứng ngày 11/8/2014, các đồng thừa kế đồng ý giao cho bà Nguyễn Thị Ngọc T6 toàn quyền định đoạt quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở, diện tích đất 141,9m$^2$, diện tích xây dựng căn nhà là 81,09m$^2$ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 5374/CNSH. Ngày 19/01/2015, bà Nguyễn Thị Ngọc T6 được UBND thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 223367, thửa đất số 270, tờ bản đồ số 2, diện tích đất ở 141,9m$^2$ tọa lạc tại khu phố D, phường Đ, thành phố P (tách từ thửa số 252, tờ bản đồ số 2). Bà T6 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị L thửa đất số 270, tờ bản đồ số 2,

diện tích đất ở 141,9m$^2$, bà L được đăng ký biến động sang tên quyền sử dụng đất ngày 05/6/2015. Ngày 19/6/2015, bà L được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp giấy phép xây dựng căn nhà trên thửa đất số 270. Ngày 22/12/2015, bà L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở số CA 298480 đối với thửa đất số 270 và căn nhà cấp 3 diện tích sàn 164,2m$^2$. Ngày 17/5/2019, bà L và ông Lê Văn T8 chuyển nhượng căn nhà cấp 3 và thửa đất số 270 cho ông Lê Thanh N, ngày 05/6/2019 ông N được Chi nhánh Văn phòng Đ đăng ký biến động sang tên. Xét văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị Ngọc T6; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T6 và bà L; Hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất giữa ông T8, bà L và ông N thực hiện đúng quy định. Ông T8, bà L và ông N đã tiến hành giao nhận nhà, đất và giao đủ tiền chuyển nhượng. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 168, Điều 169, Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 12, Điều 118, Điều 119, Điều 122 Luật Nhà ở năm 2014, có cơ sở xác định ông Lê Thanh N có quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất tại số F đường L, khu phố D, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

[2.3] Ông Phạm Văn T1 và bà Đặng Thị K cho rằng nhà, đất nêu trên có nguồn gốc của ông Phạm Văn L1 và bà Nguyễn Thị C nhưng không đưa ra được chứng cứ, chứng minh; Ông T1, bà K cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nhà, đất nên trên là của ông T1, bà K nên ý kiến của ông T1 và bà K là không có cơ sở chấp nhận. Việc ông Phạm Văn T1, bà Đặng Thị K, bà Phạm Thị N2, ông Phạm Văn B, anh Huỳnh Văn T2 và chị Huỳnh Thị Thanh T3 quản lý, sử dụng nhà, đất tại số F L, khu phố D, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận là không có căn cứ pháp luật. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh N, buộc ông Phạm Văn T1, bà Đặng Thị K, bà Phạm Thị N2, ông Phạm Văn B, anh Huỳnh Văn T2 và chị Huỳnh Thị Thanh T3 phải trả cho ông Lê Thanh N tài sản là nhà và đất tại số F L, khu phố D, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận là có căn cứ.

[3] Đối với ý kiến ông Phạm Văn T1 cho rằng bà Nguyễn Thị Ngọc T6 có mượn tiền của ông T1 để xây dựng căn nhà tại số F L, khu phố D, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Ông T1 có quyền khởi kiện tranh chấp tài sản với bà T6 bằng một vụ án khác để được Tòa án xem xét.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T1 và bà Đặng Thị K là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của ông Phạm Văn T1 và bà Đặng Thị K không được chấp nhận nhưng ông T1 và bà K là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T1 và bà Đặng Thị K. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Áp dụng Điều 117, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 188 Luật đất đai năm 2013; Điều 12, Điều 118, Điều 119, Điều 122 Luật Nhà ở năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh N.

Buộc ông Phạm Văn T1, bà Đặng Thị K, bà Phạm Thị N2, ông Phạm Văn B, anh Huỳnh Văn T2 và chị Huỳnh Thị Thanh T3 phải tháo dỡ, di dời các tài sản tủ lạnh, máy giặt, bàn ghế và 04 bàn thờ ra khỏi căn nhà để trả lại căn nhà cấp 3, diện tích xây dựng 81m$^2$, diện tích sàn 164,2 m$^2$ được xây dựng trên thửa đất số 270, tờ bản đồ số 2, diện tích 141,9 m$^2$, tọa tại số F đường L, khu phố D, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận cho ông Lê Thanh N, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 298480 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 22/12/2015 cho bà Nguyễn Thị L, ngày 05/6/2019 đăng ký biến động sang tên cho ông Lê Thanh N.

**2.** Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh N về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

**3.** Về chi phí tố tụng:

- Ông Phạm Văn T1 và bà Đặng Thị K phải chịu 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông T1 và bà K đã nộp đủ.

- Ông Phạm Văn T1 và bà Đặng Thị K phải hoàn trả cho ông Lê Thanh N số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.500.000đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**4.** Về án phí:

- Ông Phạm Văn T1 và bà Đặng Thị K được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

- Hoàn trả cho ông Lê Thanh N số tiền 19.845.000đồng (Mười chín triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 004152 ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 05 tháng 01 năm 2023).

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND Tp.Phan Thiết;
- Chi Cục THADS Tp . Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Vũ Đức Hùng**